

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2019/HSST**
Ngày: **30/5/2019**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Từ Tứ Hải**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Sơn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự thụ lý số 11/2019/HSST ngày 04 tháng 5 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/HSST-QĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị K - sinh năm 1984; tại T, Kiên Giang;

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: 4/12. Con ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957. Chồng: Đỗ Văn T, sinh năm 1984. Con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2005. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Đỗ Hữu T (cha chồng của bị cáo Nguyễn Thị K) - sinh năm 1968; tại T, Kiên Giang;

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 5/12. Con ông Đỗ Văn M, sinh năm 1943 và bà Lê Thị T, sinh năm 1942. Vợ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1967. Con: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1989. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo Quyết định tạm hoãn xuất cảnh.

3. Nguyễn Văn G - sinh năm 1975, tại T, Kiên Giang;

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 4/12. Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1947 và bà Trần Thị T, sinh năm 1951. Vợ: Trần Thị Kim X, sinh năm 1980. Con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Võ Văn T - sinh 1983; tại T, Kiên Giang;

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 1/12. Con ông Võ Văn C, sinh năm 1951 và bà Võ Thị Bé H, sinh năm 1959. Vợ: Võ Thị Hồng T, sinh năm 1981. Con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2008. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Đinh Thị H - sinh năm 1970; tại T, Kiên Giang;

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: 2/12. Con ông Đinh Văn T, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950. Chồng: Nguyễn Văn H, sinh năm 1971. Con: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Nguyễn Thị Thu L - sinh năm 1973; tại C, An Giang;

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Con ông Nguyễn Ngọc H (chết) và bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1950. Chồng: Phan Văn T, sinh năm 1970. Con: Có 02 người, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2005. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Nguyễn Văn T (anh trai của bị cáo Nguyễn Thị K) - sinh năm 1978; tại T, Kiên Giang.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 6/12. Con ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957. Vợ: Lê Thị Bé B, sinh năm 1973. Con: Có 02 người, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2004. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Nguyễn Thành Đ - sinh năm 1965; tại A, Kiên Giang;

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Con ông Nguyễn Thành G (chết) và bà Trần Thị C, sinh năm 1943. Vợ: Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1968. Con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1988. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ ngày 15/02/2019, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế và ma túy Công an huyện T, Kiên Giang bắt quả tang tại nhà Nguyễn Thị K, sinh năm 1984, ở ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang có 02 chiếu bạc đang đánh bài tổ 04 lá và bài tứ sắc ăn thua bằng tiền có 15 người liên quan gồm: Nguyễn Thị K, Đỗ Hữu T, Nguyễn Văn G, Võ Văn T, Đinh Thị H, Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Đ, Trần Thị Kim X, Cao Thị Trang Bích L, Nguyễn Thị H1, Bùi Thị G, Nguyễn Thị H2, Trần Văn C, Võ Thị Hồng T. Tiến hành tạm giữ tại chiếu bạc thứ nhất (đánh bài tổ 04 lá) gồm có: 01 bộ tài tây đã qua sử dụng, 02 bộ bài tây còn nguyên chưa qua sử dụng, 01 cái bàn gỗ nhỏ; tiền Việt Nam 4.830.000đ (trong đó: tiền tại chiếu bạc 3.300.000đ, tiền trong hộp giấy ngay dưới bàn gỗ chỗ đánh bạc 250.000đ, tiền dưới bình ắc quy kế bàn đánh bạc 1.280.000đ. Thu tại chiếu bạc thứ hai (đánh bài tứ sắc): 01 bộ bài tứ sắc đã qua sử dụng, 20 bộ tài tứ sắc còn nguyên chưa qua sử dụng, 01 chiếc chiếu lác và tiền Việt Nam là 50.000đ.

Cơ quan điều tra tiến hành tạm giữ tiền Việt Nam, điện thoại di động cất giữ trên người của những người tham gia đánh bạc tự giao nộp gồm: Nguyễn Thị K số tiền 7.507.000đ; Võ Văn T 250.000đ, 01 điện thoại di động hiệu ITEL IT2120 màu đỏ đã qua sử dụng; Nguyễn Văn G 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA TA1034 màu đen đã qua sử dụng; Đỗ Hữu T 3.298.000đ; Đinh Thị H 1.880.000đ; Nguyễn Văn T 1.000.000đ; Nguyễn Thành Đ 1.000.000đ, 01 điện thoại di động hiệu PHILIPS E181 màu đen đã qua sử dụng; Trần Thị Kim X 600.000đ; Nguyễn Thị H1 400.000đ, 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh đã qua sử dụng; Nguyễn Thị H2 2.069.000đ; Bùi Thị G 4.790.000đ, 01 điện thoại di động hiệu VIETTEL màu vàng đã qua sử dụng; Cao Thị Trang Bích L 1.785.000đ; Võ Thị T 5.418.000đ; Trần Văn C 1.051.000đ, 01 điện thoại di động Iphone 4.

Qua kết quả điều tra và bị cáo Nguyễn Thị K khai nhận, nhà của bị cáo K có bán quán nước nên có cho nhiều người vào nhà mình đánh bạc để lấy tiền xâu và bán nước uống, dùng chiếu, bàn gỗ có sẵn của gia đình, còn bài thì bị cáo K mua về để bán lại vì nhà bị cáo K có bán tạp hóa, khi có người đến đánh bài thì bị cáo K đem bài ra cho đánh; hình thức thu tiền xâu là mỗi lần người chơi đánh bài tổ (04 lá) yêu cầu đổi bài mới (bài tây 52 lá) thì bị cáo K thu tiền xâu là 10.000đ/01 bộ bài, người chơi đánh bài tứ sắc yêu cầu đổi bài mới thì bị cáo K thu tiền xâu là 5.000đ/01 bộ bài; tiền xâu của chiếu bạc đánh bài tổ được người chơi bỏ tiền vào hộp giấy để ở phía dưới cái bàn gỗ đang ngồi dùng đánh bạc, tiền xâu của chiếu bạc tứ sắc thì bỏ vào hộp giấy đựng bài tứ sắc để ngay chiếu bạc. Ngày 15/02/2019, ngày bị bắt quả tang bị cáo K thu tiền xâu của sòng bài tổ được số tiền 220.000đ đựng trong hộp giấy và thu tiền xâu của sòng bài tứ sắc 50.000đ để trong hộp bài đều bị Cơ quan điều tra tạm giữ.

* Các bị cáo thực hiện đánh bài (đánh bạc) ăn tiền ở chiếu bạc thứ nhất là đánh bài Bửu (hay còn gọi là bài Gió, bài Tổ 04 lá) và sử dụng loại bài tây 52 lá, đánh ăn thua mỗi bàn là 10.000đ, tổ thêm mỗi bàn là 20.000đ. Tại chiếu bạc có 07 người (tự) tham gia, hình thức đánh bài là bàn đầu ai chia cũng được nhưng từ bàn thứ hai trở đi, ai ăn của bàn trước sẽ chia bài và chia mỗi tự 04 lá bài, tự cuối cùng mới có quyền tổ, các tự còn lại ai không theo thì thua, ai theo thì bỏ tiền thêm vào tổ, sau đó mở bài của người tổ và người theo, ai lớn nhất thì ăn hết. Bài lớn nhất là tứ quý (04 lá bài giống nhau), tứ quý ách là lớn nhất, kế nhỏ hơn tứ quý là tam cô (03 lá bài giống nhau), kế nhỏ hơn tam cô là 02 đôi, kế nhỏ hơn 02 đôi là 01 đôi với 02 lá bài tây, kế nhỏ hơn 01 đôi với 02 lá bài tây là 01 đôi với 02 lá bài lẻ, kế nhỏ hơn 01 đôi với 02 lá bài lẻ là 04 lá bài lẻ, nếu 04 lá bài lẻ thì phân thành 02 chi và đếm nút chi ai lớn thì ăn, lớn nhất là 09 nút. Tại chiếu bạc đánh bài tổ gồm có các bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền như sau:

- Đỗ Hữu T, tham gia đánh bài từ lúc 11 giờ 30 phút đến khi bị bắt là 14 giờ cùng ngày, đem theo 200.000đ, đánh bài thua hết 130.000đ, còn lại 70.000đ, bị Cơ quan điều tra tạm giữ và tự giao nộp số tiền không liên quan đến đánh bạc 3.228.000đ.

- Nguyễn Văn G tham gia đánh bài tại nhà bị cáo K 02 ngày liền: ngày 14/02/2019, đem theo 400.000đ đánh bài thua hết; ngày 15/02/2019, đem theo hơn 300.000đ tham gia đánh bài từ khoảng 12 giờ đến khi bị bắt thì tiền còn để trên bàn nơi bán bạc bị Cơ quan điều tra tạm giữ nên không biết ăn thua bao nhiêu.

- Võ Văn T, tham gia đánh bài tại nhà bị cáo K 02 ngày liền: ngày 14/02/2019, đem theo 500.000đ, đánh bạc thua hết 30.000đ; ngày 15/02/2019,

đem theo đánh bài số tiền 750.000đ, đến khi bị Cơ quan điều tra bắt quả tang thua hết 500.000đ, còn lại 250.000đ, khi bị bắt bị Cơ quan điều tra tạm giữ.

- Đinh Thị H, tham gia đánh bài tại nhà bị cáo K 02 ngày liền; ngày 14/02/2019, đem theo 200.000đ để đánh bạc và thua hết tiền; ngày 15/02/2019, đem theo đánh bài số tiền 1.080.000đ, tham gia từ lúc 11 giờ cùng ngày đến khi bị bắt ăn được 800.000đ, tổng cộng số tiền dùng vào việc đánh bạc 1.880.000đ bị Cơ quan điều tra tạm giữ.

- Nguyễn Thị Thu L, tham gia đánh bài tại nhà bị cáo K 02 ngày liền: ngày 14/02/2019 đem theo số tiền đánh bài là 300.000đ bị thua hết tiền; ngày 15/02/2019, đem theo số tiền đánh bài là 900.000đ đến khi bị Cơ quan điều tra bắt quả tang đánh bài thua khoảng 100.000đ, số tiền còn lại bỏ xuống bàn nơi đánh bạc thì bị Cơ quan điều tra tạm giữ.

- Nguyễn Văn T, tham gia đánh bài tại nhà bị cáo K 02 ngày liền: ngày 14/02/2019, mang theo đánh bài số tiền 400.000đ bị thua hết; ngày 15/02/2019, đem theo đánh bài số tiền 2.000.000đ, tham gia đánh bài khoảng 11 giờ cùng ngày đến khi bị Cơ quan điều tra thua hết 200.000đ, lúc bỏ chạy làm rớt mất 800.000đ, còn lại 1.000.000đ khi bị bắt lại, Cơ quan điều tra tạm giữ.

- Nguyễn Thành Đ, tham gia đánh bài tại nhà bị cáo K 02 ngày liền: ngày 14/02/2019, đem theo tiền để đánh bài là 250.000đ, đánh bài ăn được 70.000đ; ngày 15/02/2019, đem theo đánh bài số tiền 1.000.000đ, đến khi bị Cơ quan điều tra bắt quả tang không có ăn thua, số tiền 1.000.000đ, Cơ quan điều tra tạm giữ.

* Đối với chiếu bạc thứ nhất (đánh bài tổ 04 lá ăn tiền), Cơ quan điều tra thu giữ: tại chiếu bạc số tiền 3.300.000đ; thu giữ trong hộp giấy dưới bàn gỗ số tiền 250.000đ (xác định tiền xâu của bị cáo K là 220.000đ, 30.000đ bị cáo K bán nước đá được không liên quan đến vụ án); thu giữ số tiền trên người của các bị cáo đem theo dùng vào việc đánh bạc là 4.200.000đ; thu giữ dưới bình ắc quy kế bàn gỗ đánh bạc số tiền 1.280.000đ nhưng các bị cáo không ai thừa nhận là tiền của mình và xác định không phải là tiền của bị cáo K, Cơ quan điều tra có đủ căn cứ xác định đây là số tiền dùng vào việc đánh bạc. Vì vậy số tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc tại chiếu bạc (đánh bài tổ 04 lá) ăn tiền là **9.000.000đ** (Chín triệu đồng).

* Chiếu bạc thứ hai (đánh bài tứ sắc ăn tiền), gồm có những người tham gia đánh bài là: Trần Thị Kim X, Cao Thị Trang Bích L, Nguyễn Thị H1, Bùi Thị G, Nguyễn Thị H2. Qua điều tra, Cơ quan điều tra xác định số tiền dùng vào việc đánh bạc là: **3.694.000đ** (Ba triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng) chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, tội đánh bạc.

Đối với Trần Văn C và Võ Thị Hồng T, có đến nhà Nguyễn Thị K nhưng

không có tham gia đánh bạc của 02 chiều bạc.

Từ ngày 10/02/2019 đến ngày 14/02/2019, bị cáo Nguyễn Thị K có cho một số bị cáo trong vụ án này và những người khác vào nhà đánh bạc với mục đích thu tiền xâu, không biết rõ, cũng như không có căn cứ xác định những người đã tham gia đánh bạc với số tiền bao nhiêu mỗi ngày nhưng bị cáo K khai nhận đã thu lợi bất chính từ việc thu tiền xâu của những người tham gia đánh bạc những ngày này là 525.000đ, đã tự nguyện giao nộp Cơ quan điều tra.

Vật chứng thu giữ trong vụ án và xử lý vật chứng: trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ: 01 bàn gỗ, mặt bàn rộng 54cm, dài 71cm dùng để đánh bạc; 01 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng; 02 bộ bài tây loại 52 lá còn nguyên chưa qua sử dụng, đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 08/QĐ-VKSTH ngày 02/5/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T.

Bản Cáo trạng số 11/2019/CT-VKSTH ngày 02/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang:

Truy tố bị cáo Nguyễn Thị K về tội “Gá bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Truy tố các bị cáo Đỗ Hữu T, Nguyễn Văn G, Võ Văn T, Đinh Thị H, Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Đ về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như đã diễn dẫn nêu trên. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

Hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự, phạt tiền từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

+ Xử phạt bị cáo Đỗ Hữu T hình phạt tiền từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G hình phạt tiền từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

+ Xử phạt bị cáo Võ Văn T hình phạt tiền từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

+ Xử phạt bị cáo Đinh Thị H hình phạt tiền từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu L hình phạt tiền từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T hình phạt tiền từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ hình phạt tiền từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ.

Hình phạt bổ sung: Không

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng; 02 bộ bài tây loại 52 lá còn nguyên chưa qua sử dụng; do các vật chứng không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung quỹ, nộp Ngân sách Nhà nước: tiền Việt Nam 9.000.000đ dùng vào việc đánh bạc; 01 bàn gỗ, mặt bàn rộng 54cm, dài 71cm dùng để đánh bạc; số tiền 525.000đ bị cáo K thu lợi bất chính từ việc lấy tiền xâu của những người đánh bạc trước đó.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị K số tiền 7.507.000đ; và số tiền 30.000đ bị cáo Kiều bán nước uống để trong hộp giấy; không liên quan đến việc đánh bạc;

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Hữu T 3.228.000đ; không liên quan đến đánh bạc;

Sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát luận tội, các bị cáo nhận tội, không tranh luận gì thêm với đại diện Viện kiểm sát. Tại phần nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị

cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, biên bản bắt phạm tội quả tang và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Vào lúc 14 giờ ngày 15/02/2019 Công an huyện T tiến hành bắt quả tang tại nhà của bị cáo Nguyễn Thị K, cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang, sử dụng nhà của mình và cung cấp bài tây loại 52 lá cho chiếu bạc thứ nhất ngồi chơi đánh bạc tại bàn gỗ gồm có: Đỗ Hữu T, Nguyễn Văn G, Võ Văn T, Đinh Thị H, Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Đ để đánh bạc trái phép với hình thức đánh bài tổ ăn tiền với số tiền là **9.000.000đ** (Chín triệu đồng); và cung cấp chiếc chiếu lác cho chiếu bạc thứ hai gồm có Trần Thị Kim X, Cao Thị Trang Bích L, Nguyễn Thị H1, Bùi Thị G, Nguyễn Thị H2 ngồi chơi bài tứ sắc ăn tiền, với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 3.694.000đ, mục đích thu tiền xâu thì bị bắt quả tang.

Ở chiếu bạc thứ hai, đánh bài tứ sắc ăn tiền nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, tội đánh bạc quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự nhưng Nguyễn Thị K đã sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình để cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc đánh bạc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000đ trở lên.

Bị cáo K đã thu lợi bất chính từ việc lấy tiền xâu là 220.000đ. Trước đó, từ ngày 10/02/2019 đến ngày 14/02/2019, bị cáo K có cho nhiều người khác vào nhà đánh bạc thu tiền xâu với số tiền 525.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị K thừa nhận cho mọi người vào nhà đánh bạc để lấy tiền xâu, bị cáo chuẩn bị sẵn nhiều bộ bài tây, bài tứ sắc, chiếu có sẵn để mọi người cùng tham gia đánh bạc thì bị bắt quả tang. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị K đã phạm vào tội “Gá bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các bị cáo: bị cáo Đỗ Hữu T thừa nhận đem theo 200.000đ để đánh bạc; bị cáo Nguyễn Văn G thừa nhận đem theo 300.000đ để đánh bạc, bị cáo Võ Văn T thừa nhận đem theo 750.000đ để đánh bạc; bị cáo Đinh Thị H thừa nhận đem theo 1.080.000đ để đánh bạc 1.880.000đ; bị cáo Nguyễn Thị Thu L thừa nhận đem theo 900.000đ để đánh bạc; bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận đem theo 2.000.000đ để đánh bạc; bị cáo Nguyễn Thành Đ thừa nhận đem theo 1.000.000đ để đánh bạc.

Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm tội: “Đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân T, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thị K về tội: “Gá bạc”. Truy tố các bị cáo Đỗ Hữu T, Nguyễn Văn G, Võ Văn T,

Đinh Thị H, Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Đ về tội “Đánh bạc” về tội danh và điều khoản như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm vào lĩnh vực trật tự cộng đồng, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức được đánh bạc là hành vi vi phạm pháp luật, bởi đây là hình thức đánh bạc được ăn thua bằng tiền bị Nhà nước nghiêm cấm, nó là một tệ nạn xã hội, và là một trong những nguyên nhân dẫn đến tan vỡ hạnh phúc gia đình, kiệt quệ kinh tế và dẫn đến các loại tội phạm khác, trong vụ án này đa phần các bị cáo đều có nghề nghiệp ổn định, nhưng không lo lao động chính đáng mà ngược lại vì vụ lợi mà các bị cáo tham gia sát phạt ăn thua bằng tiền một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc trong vụ án này là **9.000.000đ** (Chín triệu đồng). Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm là cần thiết, để giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án là đồng phạm giản đơn, không phân công tổ chức, hành vi phạm tội tự phát, các bị cáo rủ nhau vào nhà bị cáo K để đánh bạc. Bị cáo K là chủ quán nước đã đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà để lấy tiền tiêu, dùng bàn gỗ có sẵn và những bộ bài tây của bị cáo có sẵn ở quán nước; các bị cáo thay nhau là người làm cái để đánh bạc tham gia với vai trò tích cực ngang nhau, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với từng hành vi phạm tội của mình.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị K có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 525.000đ, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Đỗ Hữu T, Nguyễn Văn G, Võ Văn T, Đinh Thị H, Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do vậy, xử phạt các bị cáo trong mức án đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cũng đủ răn đe và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo. Đồng thời có thời gian giáo dục, giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm trở thành công

dân tốt có ích cho xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng; 02 bộ bài tây loại 52 lá còn nguyên chưa qua sử dụng; do các vật chứng không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 bàn gỗ, mặt bàn rộng 54cm, dài 71cm dùng để đánh bạc;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước tiền Việt Nam 9.000.000đ; là tiền dùng vào việc đánh bạc.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị K số tiền 7.507.000đ; không liên quan đến việc đánh bạc;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị K 30.000đ; tiền bị cáo bán nước uống để trong hộp giấy; không liên quan đến việc đánh bạc;

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Hữu T 3.228.000đ; không liên quan đến đánh bạc;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 525.000đ, tiền bị cáo K thu lợi bất chính.

Số tiền trên cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm gửi vào tài khoản số 3941.0.1041911 tại Kho bạc Nhà nước huyện T, tỉnh Kiên Giang.

[7] Đối với Trần Thị Kim S, Cao Thị Trang Bích L, Nguyễn Thị H1, Bùi Thị G, Nguyễn Thị H2 có tham gia chiếu bạc thứ hai đánh bài tứ sắc ăn tiền tại nhà Nguyễn Thị K, chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là phù hợp.

Đối với Trần Văn C và Võ Thị Hồng T, không có tham gia đánh bạc của 02 chiếu bạc tại nhà của bị cáo Nguyễn Thị K nên không có cơ sở xử lý, là phù hợp.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Thị K phạm tội “Gá bạc”

- Các bị cáo Đỗ Hữu T, Nguyễn Văn G, Võ Văn T, Đinh Thị H, Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Đ phạm tội “Đánh bạc”.

* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị K** 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị K cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị K phải nộp 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

+ Xử phạt bị cáo Đỗ Hữu T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Võ Văn T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Đinh Thị H 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu L 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng; 02 bộ bài tây loại 52 lá còn nguyên chưa qua sử dụng.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 bàn gỗ, mặt bàn rộng 54cm, dài 71cm.

Vật chứng trên, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số 08/QĐ-VKSTH ngày 02/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước tiền Việt Nam 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị K số tiền 7.507.000đ (Bảy triệu năm trăm lẻ

bảy nghìn đồng);

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị K 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng).
- Trả lại cho bị cáo Đỗ Hữu T 3.228.000đ (Ba triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng).
- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 525.000đ (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Tiếp tục kê biên số tiền 20.290.000đ (Hai mươi triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) trong tài khoản số 3941.0.1041911.00000 ngày 10/4/2019 tại Kho bạc Nhà nước Tân Hiệp của Phòng Tài chính kế hoạch huyện T, tỉnh Kiên Giang để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T làm thủ tục yêu cầu Phòng Tài chính kế hoạch huyện T, tỉnh Kiên Giang chuyển số tiền trên đang tạm giữ là tang vật vi phạm trong vụ án tại Kho bạc Nhà nước huyện T qua Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang để Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang thực hiện theo quyết định trên của bản án.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị K, Đỗ Hữu T, Nguyễn Văn G, Võ Văn T, Đinh Thị H, Nguyễn Thị Thu L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo, người TGT;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến